

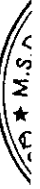


**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

*Báo cáo Tài chính
cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015
đã được soát xét*

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có văn phòng đại diện tại số A30-A31, Đường D1, Khu dân cư Tân Hải Minh, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

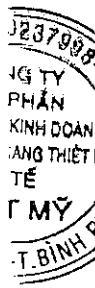
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 là -1.062.838.344 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 là -11.892.835.282 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Bách Mộng Hà	Chủ tịch	
Ông:	Bùi Khắc Hòa	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Bà:	Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Bà:	Hoàng Oanh	Thành viên	
Bà:	Lê Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà:	Nguyễn Lệ Thủy	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 10/03/2015)
Ông:	Tô Minh Vũ	Thành viên	(Bỏ nhiệm từ ngày 10/03/2015)

Các thành viên của Ban Giám đốc gồm:

Ông : Bách Mộng Hà Giám đốc

Kế toán trưởng:

Ông : Nguyễn Văn Vĩnh Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2015

TM. Ban Giám đốc



Số: ~~44~~/BCKT/TC/2015/AASCS**BÁO CÁO**
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 15 tháng 07 năm 2015 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2015 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2015

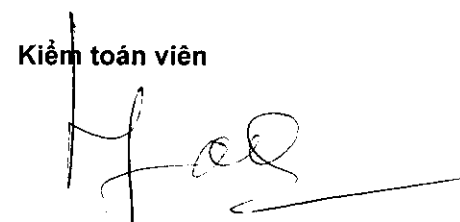
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam

Trách nhiệm Hữu hạn
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM**ĐỖ KHẮC THANH**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

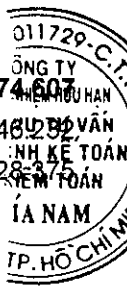
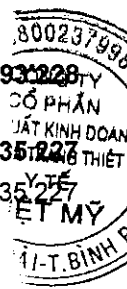
**TẠ QUANG TẠO**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0055-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
	100		8.266.059.433	8.887.993.229
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	1.618.407.658	1.503.535.227
1. Tiền	111		1.618.407.658	1.503.535.227
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		4.036.524.649	4.529.774.607
1. Phải thu của khách hàng	131		508.939.988	334.846.252
2. Trả trước cho người bán	132		3.525.847.994	4.194.928.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	04	1.736.667	
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.043.595.862	2.095.996.728
1. Hàng tồn kho	141	05	2.043.595.862	2.095.996.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	06	567.531.264	758.686.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.905.141	226.616.485
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		335.028.258	430.863.330
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		117.597.865	101.206.851
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
	200		14.943.192.959	16.422.722.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		11.798.209.116	13.454.601.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	07	6.004.589.011	6.476.595.167
- Nguyên giá	222		10.173.918.646	10.173.918.646
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.169.329.635)	(3.697.323.479)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	08	4.386.827.750	4.614.523.496
- Nguyên giá	228		9.707.830.000	9.707.830.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.321.002.250)	(5.093.306.504)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	09	1.406.792.355	2.363.483.322
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.480.826.357	2.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	2.600.000.000	2.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259	11	(119.173.643)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		664.157.486	368.120.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	664.157.486	368.120.363
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.209.252.392	25.310.715.566

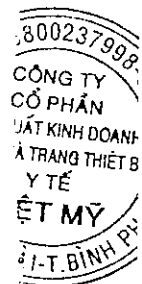
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.381.794.840	13.420.419.670
I. Nợ ngắn hạn	310		4.378.260.620	2.058.885.450
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	3.855.221.000	930.183.460
2. Phải trả cho người bán	312		207.369.130	587.100.100
3. Người mua trả tiền trước	313		34.128.000	164.430.320
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.590.000	
5. Phải trả người lao động	315			163.639.100
6. Chi phí phải trả	316	15	234.993.851	172.282.384
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn khác	319	16	41.958.639	41.250.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		8.003.534.220	11.361.534.220
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	8.003.534.220	11.361.534.220
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		10.827.457.552	11.890.295.896
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	10.827.457.552	11.890.295.896
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.157.500.000	21.157.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.562.792.834	1.562.792.834
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(11.892.835.282)	(10.829.996.938)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.209.252.392	25.310.715.566

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi hoạt động			



Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2015

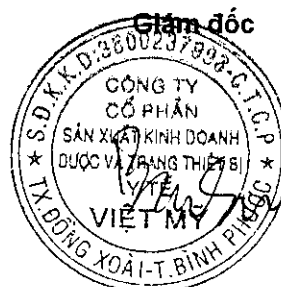
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

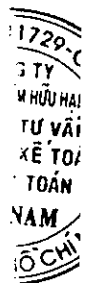
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bách Mộng Hà



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	3.123.676.613	1.636.060.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.123.676.613	1.636.060.100
4. Giá vốn hàng bán	11	21	2.535.145.961	1.798.477.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		588.530.652	(162.417.181)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.296.432	2.242.519
7. Chi phí tài chính	22	23	536.780.818	121.187.745
Trong đó: chi phí lãi vay	23		417.607.175	121.187.745
8. Chi phí bán hàng	24		28.039.371	99.808.418
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		947.455.957	1.081.582.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(922.449.062)	(1.462.753.714)
11. Thu nhập khác	31	24	477.000.000	274.596.643
12. Chi phí khác	32	25	617.389.282	52.587.780
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(140.389.282)	222.008.863
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.062.838.344)	(1.240.744.851)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26		
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.062.838.344)	(1.240.744.851)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(502)	(586)

Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

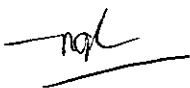
(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	Đơn vị tính: VND 6 tháng đầu năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp		3.501.520.619	2.815.272.572
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(969.453.843)	(4.753.625.018)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.425.220.531)	(1.256.279.651)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(224.090.783)	(121.187.745)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.672.600	451.599.613
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(84.489.602)	(2.952.048.606)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		831.938.460	(5.816.268.835)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(285.400.000)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			(1.600.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.296.432	2.242.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(284.103.568)	(1.597.757.481)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.340.491.600	9.112.992.615
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.773.454.061)	(1.100.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(432.962.461)	8.012.992.615
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		114.872.431	598.966.299
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.503.535.227	1.242.680.992
61	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		1.618.407.658	1.841.647.291

Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh



Bách Mạnh Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng số cổ phần là 2.115.750, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 633.880 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

Tên cổ đông	Trụ sở chính	Số cổ phần
- Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời Đại diện: Ông Bách Mộng Hà.	Số 449 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	226.380
- Công ty INCOMEX Sài Gòn Đại diện: Ông Nguyễn Kim Lan	27 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	150.000
- Bà Hoàng Oanh	Số 2, Đường 2, Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.	117.000
- Ông Nguyễn Tiến Hưng	Số 39 Đường số 02 Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	92.500
- Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	48.000

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tại sản cơ định như hình, tài sản cơ định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

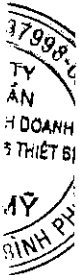
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

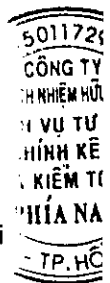
Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
Tiền		
Tiền mặt	1.260.297.324	1.181.867.349
Tiền gửi ngân hàng	358.110.334	321.667.878
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	1.618.407.658	1.503.535.227

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
- Thuế TNCN phải thu	1.736.667	
	1.736.667	

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015	01/01/2015
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	1.502.932.690	1.593.919.564
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	108.920.522	152.472.088
- Thành phẩm	358.045.486	275.907.912
- Hàng hóa	73.697.164	73.697.164
Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.043.595.862	2.095.996.728

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
Chi phí trả trước ngắn hạn	114.905.141	226.616.485
- Công cụ, dụng cụ	67.808.870	190.073.289
- Phí giám sát môi trường		1.727.259
- Phí sửa chữa	29.316.383	5.646.670
- Phí bảo hộ lao động	6.382.495	10.637.497
- Phí công tác nước ngoài	1.769.057	12.383.435
- Phí in ấn	878.336	6.148.335
- Phí quản lý niêm yết	8.750.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	335.028.258	430.863.330
Tài sản ngắn hạn khác	117.597.865	101.206.851
- Tạm ứng	117.597.865	101.206.851
Cộng	567.531.264	758.686.666

3800
 CÔNG
 CỔ P
 XUẤT K
 VÀ TRẢ
 Y T
 VIỆT
 XOÀI-T

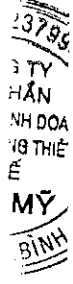
C. T. I. N. H. T.
 AN
 DAN
 N
 CHI MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND						
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	1.582.533.062	7.460.867.403	1.130.518.181			10.173.918.646
Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	1.582.533.062	7.460.867.403	1.130.518.181			10.173.918.646
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.266.026.378	2.236.983.833	194.313.277			3.697.323.489
Số tăng trong kỳ	79.126.650	336.353.592	56.525.904			472.006.146
- Khấu hao trong kỳ	79.126.650	336.353.592	56.525.904			472.006.146
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	1.345.153.028	2.573.337.425	250.839.181			4.169.329.635
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	316.506.684	5.223.883.570	936.204.904			6.476.595.157
Tại ngày cuối kỳ	237.380.034	4.887.529.978	879.679.000			6.004.589.011



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ	600.000.000	9.107.830.000	9.707.830.000
Số tăng trong kỳ			
- Mua trong kỳ	-		
- Tăng khác			
Số giảm trong kỳ			
- Thanh lý, nhượng bán			
Số dư cuối kỳ	600.000.000	9.107.830.000	9.707.830.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	84.000.000	5.009.306.504	5.093.306.504
Số tăng trong kỳ		227.695.746	227.695.746
- Khấu hao trong kỳ		227.695.746	227.695.746
- Tăng khác			
Số giảm trong kỳ			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	84.000.000	5.237.002.250	5.321.002.250
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu kỳ	516.000.000	4.098.523.496	4.614.523.496
Tại ngày cuối kỳ	516.000.000	3.870.827.750	4.386.827.750

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	616.259.671	1.572.950.638
- Nhà máy bao bì	790.532.684	790.532.684
Cộng	1.406.792.355	2.363.483.322

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH

	Tỷ lệ	30/06/2015	01/01/2015
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	30,23%	2.600.000.000	2.600.000.000
Cộng		2.600.000.000	2.600.000.000

11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	(119.173.643)	
Cộng	(119.173.643)	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

	30/06/2015	Đơn vị tính: VND 01/01/2015
- Công cụ dụng cụ	29.243.944	50.159.806
- Tôn mạ màu	8.382.009	13.970.007
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc...	506.448.729	150.833.328
- Phí cam kết bảo vệ môi trường	16.363.641	.24.545.457
- Phí đánh giá GMP - ISO	103.719.163	128.611.765
Cộng	664.157.486	368.120.363

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
Vay ngắn hạn	3.855.221.000	930.183.461
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (1)	955.221.000	930.183.461
- Bà Đàm Thị Hưng (2)	2.900.000.000	
Nợ ngắn hạn		
Cộng	3.855.221.000	930.183.461

(1) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại ngày 30/06/2015 là 7%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(2) Đây là số dư nợ vay theo các Hợp đồng vay tiền từng lần cụ thể.

- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể, từ 11%/năm - 12%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động và thanh toán các khoản vay ngân hàng đến hạn
- Thời hạn vay: 6 - 12 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	30/06/2015	01/01/2015
- Thuế thu nhập cá nhân	4.590.000	
Cộng	4.590.000	

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2015	01/01/2015
- Trích trước chi phí lãi vay	200.902.943	7.386.551
- Trích trước phí kiểm toán	34.090.908	80.000.000
- Trích trước lương nghỉ phép năm		84.895.833
Cộng	234.993.851	172.282.384

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
- Bảo hiểm xã hội	708.639	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.250.000	41.250.000
Cộng	41.958.639	41.250.000

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (3)	2.003.534.220	3.861.534.220
- Công ty CP Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn (4)	6.000.000.000	7.500.000.000
Cộng	8.003.534.220	11.361.534.220

(3) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HĐ ngày 28/06/2013.

- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 30/06/2015 là 11%/năm.

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sinh phẩm chuẩn đoán y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(4) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014 và Phụ lục hợp đồng số PL01.03/HĐHT-2014 ngày 05/02/2015.

- Số tiền vay: 6.000.000.000 đồng

- Lãi suất: 7,5%/năm

- Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Làm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

- Thời hạn vay: 24 tháng.

- Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

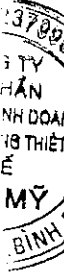
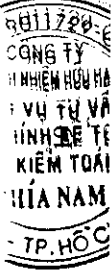
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	21.157.500.000			1.562.792.834			(1.383.496.205)
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi (lỗ) trong năm trước							(9.446.500.733)
Tăng khác							
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối năm trước	21.157.500.000			1.562.792.834			(10.829.996.938)
Tăng vốn trong kỳ này							
Lãi (lỗ) trong kỳ này							(1.062.838.344)
Tăng do trích từ lợi nhuận							
Tăng khác							
Giảm vốn trong kỳ này							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
Số dư cuối kỳ này	21.157.500.000			1.562.792.834			(11.892.835.282)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	%	01/01/2015	%
Vốn góp của các đối tượng	21.157.500.000	100%	21.157.500.000	100%
Cộng	21.157.500.000	100%	21.157.500.000	100%

18. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2015	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+Vốn góp đầu năm	21.157.500.000		21.157.500.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	-		-
+Vốn góp giảm trong kỳ	-		-
+Vốn góp cuối kỳ	21.157.500.000		21.157.500.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-		-

18. d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.100.000	2.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

18. e) Các quỹ của công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Cộng:

	30/06/2015	01/01/2015
	1.562.792.834	1.562.792.834

1.562.792.834



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận của một công ty được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc
- Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Lĩnh vực kinh doanh

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chỉ phát sinh doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là dược phẩm.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Khu vực địa lý

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2015, Công ty chỉ phát sinh doanh thu duy nhất tại thị trường Việt Nam.

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán hàng	3.123.676.613	1.636.060.100
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	3.123.676.613	1.636.060.100

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.877.341.790	970.085.038
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	657.804.171	828.392.243
Cộng	2.535.145.961	1.798.477.281

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Hoạt động đầu tư tài chính (mua bán chứng khoán...)	1.296.432	2.242.519
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	1.296.432	2.242.519

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền vay	417.607.175	121.187.745
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Phí môi giới mua bán chứng khoán		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	119.173.643	
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	536.780.818	121.187.745

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

24. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Thanh lý tài sản	477.000.000	
- Lãi chênh lệch do đánh giá lại vốn góp		274.596.643
- Thu nhập khác		
Cộng	477.000.000	274.596.643

25. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Thanh lý tài sản	536.075.562	
- Phạt vi phạm hành chính, phạt nộp chậm thuế...	5.033.476	23.484.009
- Truy thu thuế		23.008.771
- Chi phí khác	76.280.244	6.095.000
Cộng	617.389.282	52.587.780

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng		

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(1.062.838.344)	(1.240.744.851)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(502)	(586)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Chi phí nguyên vật liệu	913.582.283	562.888.317
- Chi phí nhân công	1.346.647.291	1.336.536.652
- Chi phí khấu hao TSCĐ	699.701.892	524.633.106
- Chi phí mua ngoài	560.457.911	720.841.518
- Chi phí bằng tiền khác	4.000.000	398.979.120
Cộng	3.524.389.377	3.543.878.713

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Trả nợ vay dài hạn	1.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	113.750.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Tạm ứng	28.960.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	8.500.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Lương và thưởng	150.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	60.000.000

Cho đến ngày 30/06/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Tạm ứng	12.839.600

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	113.750.000

29.2. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/06/2015, Công ty không có tài sản thế chấp tại đơn vị khác, không bao gồm tài sản của bên thứ ba nhằm đảm bảo các khoản vay dài hạn và ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (Xem thuyết minh 13 và 17). Tài sản thế chấp này là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

29.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

29.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015			
Phải trả người bán	207.369.130		207.369.130
Vay và nợ	3.855.221.000	8.003.534.220	11.858.755.220
Phải trả người lao động	-		
Chi phí phải trả	234.993.851		234.993.851
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.958.639		41.958.639
Cộng	4.339.542.620	8.003.534.220	12.343.076.840

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

29.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

29.6 Thông tin về hoạt động liên tục

Các báo cáo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai. Theo bảng cân đối kế toán lập ngày 30/06/2015: Vốn đầu tư chủ sở hữu là **21.157.500.000 VNĐ**, lỗ lũy kế là **11.892.835.282 VNĐ** (56,21% Vốn đầu tư chủ sở hữu), điều này ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Theo sự trình bày trên, khả năng hoạt động liên tục tùy thuộc vào khả năng đáp ứng những nhu cầu tài chính của Công ty trên cơ sở nguồn tài trợ chính, nguồn vốn vay và những thành công trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

29.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Bình Phước, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh



Bách Mộng Hà